

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 35/2025/HNGĐ-ST.

Ngày: 06 - 5 - 2025.

V/v ly hôn giữa ông T và bà N.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Thanh Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Ngọc Thu.

Bà Huỳnh Thị Thu Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Minh Bảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Ngày 06 tháng 5 năm 2025 tại phòng xử án, Tòa án nhân dân thành phố V tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 38/2025/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 3 năm 2025 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 37/2024/QĐST-DS ngày 24/4/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Huỳnh Thanh T, sinh năm 1980; nơi cư trú: Ấp P, xã N, huyện L, tỉnh Tiền Giang, có đơn xin vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích của nguyên đơn: Luật sư Trương Ngọc S – Văn Phòng luật sư S – Đoàn Luật sư tỉnh Vĩnh Long; địa chỉ: Số 67, đường Đ, Phường B, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, có mặt

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Bảo N, sinh năm 1983; nơi cư trú: Số nhà 23, đường C, Phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 07 tháng 02 năm 2025 nguyên đơn ông Huỳnh Thanh T trình bày: Ông và bà N quen biết nhau là mai mối, sau đó tìm hiểu nhau và tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn ngày 23 tháng 9 năm 2005, ông cùng bà N chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân

mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, đời sống hôn nhân không hạnh phúc và đã sống ly thân từ năm 2008 đến nay.

Vì mâu thuẫn nêu trên, nên ông T yêu cầu giải quyết được ly hôn với bà N. Ông và bà N chung sống với nhau không có con chung; không có tạo lập tài sản chung và cũng không có nợ chung.

Bà Nguyễn Thị Bảo Ng đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.

Tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Huỳnh Thanh T và bà Nguyễn Thị Bảo N kết hôn năm 2005, có đăng ký kết hôn đúng trình tự quy định của pháp luật. Sống chung với nhau một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, từ đó đã sống ly thân, nên ông T có đơn yêu cầu xin được ly hôn với bà N, bà N có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thành phố V.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V, Tòa án nhân dân thành phố V thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng. Đồng thời, bà N đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần vắng mặt không có lý do, ông T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Theo chứng cứ do ông T cung cấp có trong hồ sơ vụ án, thể hiện ông T và bà N có đăng ký kết hôn vào ngày 23 tháng 9 năm 2005. Thời gian chung sống thì phát sinh mâu thuẫn và không tự giải quyết được, cuộc sống không hạnh phúc dẫn đến việc ông T và bà N sống ly thân, bà N được triệu tập nhiều lần không đến tham gia giải quyết, từ đó cho thấy Bà không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, mâu thuẫn đã thật sự trầm trọng, nên xét thấy việc ông T yêu cầu được ly hôn với bà N là có cơ sở chấp nhận, đúng với quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ.

[3] Trong quá trình chung sống ông T và bà N không có con chung; không có tạo lập tài sản chung và cũng không phát sinh nợ chung, đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[4] Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy

bán Thường vụ Quốc hội, nguyên đơn trong vụ án hôn nhân và gia đình phải chịu tiền án phí, do đó ông T phải nộp án phí số tiền 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ông Huỳnh Thanh T ly hôn bà Nguyễn Thị Bảo N.

2. Về án phí sơ thẩm:

Buộc ông Huỳnh Thanh T nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí sơ thẩm, trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) ông T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, theo biên lai thu tiền số 0007678 ngày 19/02/2025, ông T đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND thành phố V;
- Chi cục THADS thành phố V;
- UBND Phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Hồ Thanh Hồng